

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm Quyết định số 37B/QĐ-ĐV ngày 19 tháng 9 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Trung cấp Đại Việt TP Hồ Chí Minh)*

Tên ngành, nghề: Kế toán doanh nghiệp

Mã ngành, nghề: 5340302

Trình độ đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông Quốc gia tham gia dự tuyển, xét tuyển vào trường Trung Cấp Đại Việt Tp. Hồ Chí Minh theo qui định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và theo đề án tuyển sinh riêng của trường.

Thời gian đào tạo: 2 năm (4 học kỳ)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Kế toán doanh nghiệp trình độ trung cấp là ngành, nghề thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán; kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin về tình hình sử dụng tài chính trong các doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

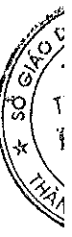
Kế toán doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực quản lý kinh tế, cung cấp nhân lực trong lĩnh vực kế toán thuộc các loại hình doanh nghiệp có các hình thức sở hữu: Doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân; quy mô: lớn, vừa, nhỏ, siêu nhỏ; lĩnh vực: sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Nhiệm vụ chính của ngành, nghề bao gồm: thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo nội dung công việc; ghi chép, tính toán, phản ánh số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản vật tư tiền vốn; kiểm tra, giám sát các khoản thu chi, các nghĩa vụ thu nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các chuẩn mực kế toán;
- Mô tả được các chế độ kế toán;



- Trình bày được hệ thống văn bản pháp luật về thuế;
- Xác định được vị trí, vai trò của kế toán trong ngành kinh tế;
- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong doanh nghiệp, mối quan hệ giữa các bộ phận trong doanh nghiệp;
- Vận dụng các văn bản liên quan đến ngành kinh tế;
- Trình bày được tên các loại chứng từ kế toán được sử dụng trong các vị trí việc làm;
- Trình bày được phương pháp lập chứng từ kế toán;
- Trình bày được phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp;
- Trình bày được phương pháp ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Trình bày được phương pháp thu thập, sắp xếp, quản lý, lưu trữ hồ sơ, sổ sách chứng từ kế toán;
- Trình bày được phương pháp kiểm tra, đối chiếu, xử lý trong công tác kế toán;
- Trình bày được các phương pháp kê khai thuế, báo cáo ẩn chi; phương pháp lập báo cáo tài chính;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thiết lập được mối quan hệ tốt với ngân hàng và các cơ quan quản lý chức năng;
- Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán theo từng vị trí công việc;
- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Lập được báo cáo tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp;
- Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
- Báo cáo với lãnh đạo, đề xuất các giải pháp kinh tế, tài chính cho đơn vị tuân thủ đúng pháp luật, đồng thời mang lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; sử dụng thành thạo 1 đến 2 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong doanh nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kế toán vốn bằng tiền;
- Kế toán hàng tồn kho và phải trả người bán;
- Kế toán tài sản cố định;
- Kế toán bán hàng và phải thu khách hàng;
- Kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương;
- Kế toán chi phí tính giá thành;
- Kế toán tổng hợp.

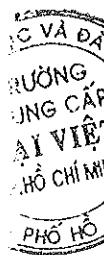
2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học : 25 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học : 60 ĐVHT
- Khối lượng các môn học chung/đại cương : 180 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn : 1290 giờ
- Khối lượng lý thuyết : 453 giờ
- Khối lượng bài tập, thực hành, thực tập : 963 giờ
- Giờ kiểm tra : 54 giờ

(Chưa kể các môn điều kiện Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An Ninh)

3. Nội dung chương trình

| Mã MH | Tên môn học, mô đun | Số đơn vị học trình | Thời gian học tập (tiết) | | | |
|----------|------------------------------------|---------------------|--------------------------|-----------|----------------------------------|----------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành /bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| I | Các môn học chung/đại cương | | | | | |
| MH 01 | Giáo dục chính trị | 2 | 30 | 15 | 13 | 2 |
| MH 02 | Pháp luật đại cương | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |



| | | | | | | |
|----------------------------|---|----------------------|----------------------|----------------|------------|-----------|
| MH 03 | Tiếng Anh căn bản | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| MH 04 | Tin học đại cương | 2 | 45 | 15 | 29 | 1 |
| MH 05 | Giáo dục Thể chất | | 30 | 4 | 24 | 2 |
| MH 06 | Giáo dục Quốc phòng An ninh | | 45 | 21 | 21 | 3 |
| Tổng | | 9 | 180 | 69 | 103 | 8 |
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề | | | | | |
| II.1 | Môn học cơ sở | | | | | |
| MH 07 | Kỹ năng giao tiếp | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MH 08 | Luật kinh tế | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MH 09 | Tài chính - tiền tệ | 3 | 75 | 15 | 56 | 4 |
| MH 10 | Anh văn thương mại | 3 | 75 | 15 | 56 | 4 |
| MH 11 | Nguyên lý kế toán | 3 | 75 | 15 | 56 | 4 |
| MH 12 | Soạn thảo văn bản | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MH 13 | Kinh tế vi mô | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH 14 | Marketing căn bản | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| Tổng | | 19 | 405 | 159 | 224 | 22 |
| II.2 | Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề | | | | | |
| MH 15 | Thuế | 3 | 75 | 15 | 56 | 4 |
| MH 16 | Tài chính doanh nghiệp | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH 17 | Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH 18 | Kế toán tài chính doanh nghiệp 2 | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| MH 19 | Kế toán ngân hàng | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH 20 | Kế toán hành chính sự nghiệp | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH 21 | Sổ sách chứng từ kế toán | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH 22 | Kiểm toán | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH 23 | Phần mềm kế toán | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH 24 | Thị trường chứng khoán | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH 25 | Thực tập tốt nghiệp | 5 | 300 | 0 | 300 | 0 |
| Tổng | | 32 | 885 | 225 | 636 | 24 |
| TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA | | 60 | 1470 | 453 | 963 | 54 |
| III. | Thi tốt nghiệp | | | | | |
| TT | Môn thi | Hình thức thi | Thời gian thi | Ghi chú | | |
| 1 | Giáo dục chính trị | Viết | 120 phút | | | |
| 2 | Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp | Viết | 120 phút | | | |
| 3 | Thực hành nghề nghiệp | Thực hành | Từ 20-30 phút/HS | | | |

* Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh, không tính vào điểm trung bình học tập chung nhưng là học phần điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp;

* Ngoài thực hiện chương trình trên, Nhà trường tổ chức giảng dạy các môn kỹ năng mềm chuẩn đầu ra theo quy định của Nhà trường, phù hợp với từng ngành cụ thể.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung nhà trường

Thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

4.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- 1 tiết học lý thuyết = 45 phút

- 1 tiết học thực hành/ tích hợp = 60 phút

- 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết

- 1 tín chỉ thực hành

(tại phòng thực hành, thảo luận ...) = 30 tiết.

Một ngày học thực hành/ tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/ học lý thuyết và thực hành cơ bản/ cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi xét, công nhận tốt nghiệp của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội.

* Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực được do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/ học phần.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu của chương trình đào tạo, hoạt động kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp ở sinh viên.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm điều kiện: Hệ số 2



=> Điểm trung bình chung kiểm tra (Trọng số 0,4) = ((Điểm thường xuyên x 1) + (Điểm điều kiện x 2))/3

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

- Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5,0 trở lên (trong đào tạo theo niên chế), 4,0 trở lên (trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ).

Ghi chú: Học sinh được dự thi kết thúc môn học, khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

4.4. Ôn thi, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Học sinh phải học hết chương trình đào tạo ngành Kế toán doanh nghiệp và tích lũy đủ số học phần trong chương trình mới được thi tốt nghiệp. Khoa Kinh tế có trách nhiệm tổ chức ôn thi tốt nghiệp theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả tích lũy học phần của học sinh, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh.

Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Lương Kim Anh



**SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO
CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành: **KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**

Mã ngành: **5340302**

